

Số: 2782 /BC-UBND

Phú Tân, ngày 26 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn huyện Phú Tân

Thực hiện Công văn số 2323/STTTT-CNTT-BCVT ngày 19/12/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang về việc báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Kết quả triển khai chuyển đổi số của cơ quan, địa phương

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

+ Tuyên truyền trên trang thông tin điện tử huyện 8 tin, bài; trang thông tin điện tử các xã, thị trấn 18 tin, bài; Đài truyền thanh huyện triển khai chuyên mục “Chuyển đổi số”, trang mạng xã hội Facebook, zalo OA; đồng thời phối hợp Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thanh xây dựng 01 video tuyên truyền dùng phát sóng Công nghệ 2G.

+ Các cơ quan ban ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các doanh nghiệp viễn thông, các cửa hàng điện tử và trực đường chính Trung tâm và các xã, thị trấn treo băng rôn và các khẩu hiệu rôn hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc gia 10/10 với nội dung: “Phổ cập hạ tầng số và sáng tạo ứng dụng số để phát triển kinh tế số - Động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động”.

+ Khuyến khích cán bộ, công chức, người lao động tại cơ quan hưởng ứng trên không gian mạng bằng cách thay ảnh đại diện có kèm khung hình nhận diện (avatar frame) Ngày chuyển đổi số quốc gia từ ngày 01/10 đến hết ngày 31/10/2024.

+ 02 bảng pano tuyên truyền dùng công nghệ số 2G của đơn vị Viettel tại bến phà Thuận Giang, bến phà Năng gù.

+ Xây dựng Kế hoạch số 2028/KH-UBND ngày 30/9/2024 về việc triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên địa bàn huyện; Phòng văn hóa và Thông tin phối hợp với các VNPT Phú Tân, Bảo hiểm xã hội huyện tổ chức tập huấn cho tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, khóm, ấp trên địa bàn huyện có hơn 609 thành viên tổ công nghệ số cộng đồng tham dự với các nội dung hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công quốc gia bằng tài khoản VneID; Smart An Giang, hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt,...

+ 18/18 UBND xã, thị trấn triển khai kế hoạch tổ chức triển khai chiến dịch ra quân “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân sử dụng dịch vụ, ứng dụng để phát triển kinh tế số”; tập trung vào việc hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công quốc gia bằng tài khoản VneID; Smart An Giang, hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt,...

+ Tham gia “Chuỗi sự kiện Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2024” với hơn 20 thành viên đăng ký tham dự gồm Ban chỉ đạo Chuyển đổi số huyện, đại diện Tổ công nghệ số cộng đồng các xã, thị trấn.

b) Tồn tại, hạn chế: Không có

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Thực hiện hướng dẫn cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện chia sẻ, phổ biến các câu chuyện thành công về chuyển đổi số tại trang thông tin điện “Câu chuyện chuyển đổi số” tại địa chỉ <https://t63.mic.gov.vn>, thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh, chuyên trang Chuyển đổi số của tỉnh và Chuyên mục “Chuyển đổi số và Truyền thông” được phát sóng trên Đài phát thanh và Truyền hình An Giang; chuyên mục chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử huyện Phú Tân.

b) Tồn tại, hạn chế:

Hiện tại, huyện chưa có câu chuyện thành công về chuyển đổi số được chia sẻ trên trang <https://t63.mic.gov.vn>.

1.3. Tham gia Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo

a) Kết quả đạt được:

UBND huyện chỉ đạo tất cả thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn và khuyến khích người dân tham gia kênh Zalo OA và Fanpage Facebook “Chuyển đổi số quốc gia” để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

b) Tồn tại, hạn chế:

Chưa thực hiện tuyên truyền sâu rộng cho cán bộ, công chức và người dân để thực hiện tham gia kênh Zalo OA và Fanpage Facebook “Chuyển đổi số quốc gia”, chỉ mới thực hiện tham gia đối với thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn huyện và công chức, viên chức.

1.4. Phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện nhằm đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp với chỉ tiêu khen thưởng là 5 tập thể và 10 cá nhân.

b) Tồn tại, hạn chế: Không có.

1.4. Tuyên truyền Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Thường xuyên, theo dõi nghiên cứu, xây dựng nội dung, tin bài, tuyên truyền liên quan đến chuyển đổi số; các văn bản về chính sách hiệu quả đã triển khai tại các địa phương được Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp; tuyên truyền về bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia tại website <https://dx.gov.vn/> do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố, phản ánh các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia của đoàn viên thanh niên, hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng của địa phương

- Tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn huyện về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng và lợi ích thiết thực của chuyển đổi số đối với cuộc sống nói riêng và mỗi cá nhân vào sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử huyện Phú Tân, Zalo OA, Youtube, riêng Fanpage Facebook có hơn 28.000 lượt theo dõi.

b) Tồn tại, hạn chế: Phương thức tuyên truyền chưa đa dạng.

2. Thể chế số:

a) Kết quả đạt được:

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số trên địa bàn huyện năm 2024. Trong đó, định hướng xuyên suốt về chuyển đổi số năm 2024 là cơ quan nhà nước tập trung vào các hoạt động phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

b) Tồn tại, hạn chế: các thông tin dữ liệu về chuyển đổi số chưa nhiều.

3. Hạ tầng số:

a) Kết quả đạt được:

- Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, thị trấn trên toàn huyện; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong huyện.

- 100% các khu công nghiệp, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện có kết nối internet phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- 100% cơ quan nhà nước của huyện có mạng cục bộ (LAN) và được kết nối mạng Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

- 100% các cơ quan đơn vị đều có chứng thư số tổ chức; 1288 chứng thư số cá nhân (trong đó bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã đã trang bị đầy đủ chứng thư số cá nhân và tổ chức phục vụ công tác số hóa TTHC, riêng UBND xã Tân Trung đã gửi công văn Ban Cơ yếu Chính phủ cấp mới 04 chứng thư số; ngành giáo dục hiện có 857 chứng thư số (*Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Giáo viên*)).

- Trên địa bàn huyện đã thực hiện lấy mẫu 61 vị trí rà soát, xóa các vùng lùm sóng, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động.

- Phổ cập điện thoại thông minh 113.339/191.636 đạt 59,14%; Internet cáp quang băng rộng 33.445/42.250 đạt 79.15%.

- 100% cơ quan đơn vị, UBND các xã thị trấn đã chuyển đổi sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPV6).

b) Tồn tại, hạn chế: Phổ cập điện thoại thông minh; Internet cáp quang băng rộng chưa đạt.

4. Dữ liệu số:

a) Kết quả đạt được:

- Thử nghiệm Công dữ liệu mở tỉnh An Giang thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu mở của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh theo danh mục dữ liệu dùng chung theo Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 23/5/2022.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Chưa triển khai phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Dữ liệu mở là một khái niệm mới nên cần thời gian để triển khai, thu thập số liệu.

5. Nền tảng số:

a) Kết quả đạt được:

- 100% các cơ quan đơn vị đều tham gia giải quyết công việc, TTHC trên môi trường mạng qua các hệ thống do tỉnh cung cấp: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Hệ thống thư điện tử công vụ.

- Cổng TTĐT huyện, trang TTĐT các xã thị trấn đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6 và kết nối với Hệ thống thu thập đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống Tracking EMC).

- Trung tâm điều hành thông minh (IOC) huyện, tiếp tục vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) huyện và thực hiện kết nối số liệu báo cáo kinh tế - xã hội từ Hệ thống thông tin báo cáo Bộ, ngành, địa phương (LRIS) vào IOC huyện. Mặt khác, phát huy tiếp nhận phản ánh kiến nghị người dân từ IOC huyện. Trong năm 2024, đã tiếp nhận 23 phản ánh người dân, đã giải quyết 23 phản ánh, đạt tỉ lệ 100%.

b) Tồn tại, hạn chế:

Số liệu báo cáo Kinh tế - Xã hội đã được đưa lên IOC huyện, tuy nhiên còn một số chỉ tiêu cần chỉnh sửa, thống nhất của các đơn vị, chưa đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu lãnh đạo trong công tác điều hành; chưa có chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức đang thực hiện nhiệm vụ quản trị, vận hành IOC huyện.

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được:

- UBND huyện phân công Phòng Văn hóa và Thông tin đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT; cử cán bộ tham dự diễn tập ứng cứu sự cố an toàn an ninh thông tin và các lớp tập huấn khác do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Huyện đã triển khai thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn huyện (18 xã, thị trấn; 88 ấp); năm 2024 tổ chức triển khai tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng (609 đại biểu tham dự).

- Giao Phòng Văn hóa và Thông tin tổ chức lớp tập huấn về Hướng dẫn đánh giá các chỉ tiêu về chính quyền điện tử phục vụ công tác chuyển đổi số trên địa bàn huyện Phú Tân năm 2024; lớp tập huấn về Kỹ năng viết tin bài trên Cổng thông tin điện tử và các kênh thông tin tuyên truyền; lớp tập huấn về Hệ thống quản lý văn bản điều hành VNPT-iOffice năm 2024.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông; tổ chức lớp tập huấn đảm bảo an toàn thông tin mạng, triển khai số hóa thành phần hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính cho lãnh đạo cán xã, thị trấn và cán bộ phụ trách bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, xã nhằm nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến nhằm góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng về chuyển đổi số.

- Triển khai bồi dưỡng trực tuyến MOOCs và Onetouch của Bộ Thông tin và Truyền thông đến toàn thể công chức, viên chức, người dân trên địa bàn huyện.

b) Tồn tại, hạn chế: Sự tham gia các khóa học trực tuyến của người dân chưa cao.

7. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

- Tình hình đảm bảo an toàn thông tin: Trên cơ sở Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Công văn hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông về việc khẩn

trương xác định cấp độ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị. Đến nay huyện đã được Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định và phê duyệt xác định cấp độ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin ở UBND huyện được phê duyệt cấp độ 2;

- Ngoài ra các phòng, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND các xã thị trấn đã tiến hành gửi hồ sơ đề xuất cấp độ 1 trình Sở Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

- Huyện đã ban hành Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 về việc Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

- Mua 125 bản quyền phần mềm diệt virus (VNPT Smart IR) cài đặt trên các máy tính tại bộ phận một cửa các cấp và máy tính tham gia giải quyết TTHC, khai thác dữ liệu dân cư Quốc gia.

- Thường xuyên cập nhật, theo dõi và triển khai thực hiện các hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông về rà soát và khắc phục các lỗ hổng mất an toàn thông tin, các bản vá lỗi hệ điều hành windows, office, và một số phần mềm khác; huyện đã kịp thời ban hành văn bản đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện.

b) Tồn tại, hạn chế: Chưa mua sắm bản quyền Window, Office.

8. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp Sở thông tin và truyền thông thực hiện hỗ trợ vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (địa chỉ: dichvucong.angiang.gov.vn), dịch vụ quốc gia (địa chỉ: dichvucong.angiang.vn) cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công từ 01/01/2024 đến 15/12/2024 tiếp nhận 56.695 hồ sơ trong đó hồ sơ một phần (Trực tuyến) và toàn trình: 54.922 hồ sơ đạt tỷ lệ 96.87%.

+ Một phần (Trực tuyến): 34.887 hồ sơ (trực tiếp: 253 hồ sơ; trực tuyến: 34.634 hồ sơ).

+ Toàn trình: 20.035 hồ sơ (trực tiếp: 365 hồ sơ; trực tuyến: 19.670 hồ sơ).

- Kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh từ 01/01/2024 đến 15/12/2024:

+ Tỷ lệ số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ: 56.851 /57.025 hồ sơ, đạt 99.69%.

+ Tỷ lệ số hồ sơ có số hoá kết quả: 56.477 /56.448 hồ sơ, đạt 99.95%.

+ Tỷ lệ số hồ sơ tái sử dụng: 56/57.025 hồ sơ, đạt 0,10%.

- Thường xuyên theo dõi phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT tỉnh An Giang; Sở Tư pháp,... khắc phục lỗi, sự cố phát sinh; định kỳ hàng tuần, tháng khắc phục những chỉ tiêu không nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Các phòng chuyên môn huyện và các xã, thị trấn thực hiện tốt việc tiếp nhận và phát hành văn bản trên phần mềm.

- Tình hình triển khai hoàn thiện chính quyền điện tử: 100% các cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện đều đạt các tiêu chí về chính quyền điện tử.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Chưa phát triển Kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp.

9. Kinh tế số

- Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển và điều kiện của tỉnh, giải quyết vấn đề của địa phương. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh về du lịch, nông nghiệp, giáo dục, y tế.

a) Kết quả đạt được:

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

- Tham gia khảo sát 15 phiếu các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn huyện.

- Triển khai hoạt động của Cổng thông tin du lịch tỉnh An Giang tại website <https://checkinangiang.vn>, và ứng dụng du lịch trên các thiết bị di động tại AppStore và CH Play

b) Tồn tại, hạn chế:

- Đa số các doanh nghiệp hiện nay chủ yếu kinh doanh thông qua các trang mạng xã hội có tín bảo mật không cao (facebook, zalo).

- Một số doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm đến chuyển đổi số đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Phát triển trường học số: triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến tại 63 trường, trong đó: 20 trường mầm non; 25 trường Tiểu học, 18 trường trung học cơ sở; trong đó 25/25 trường tiểu học triển khai học bạ số.

- Trung tâm y tế huyện triển khai VNPT – HIS; hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện; thống kê y tế; hệ thống công giám định bảo hiểm y tế.

- Đẩy mạnh tuyên truyền mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến; sử dụng dịch vụ công trực tuyến, sử dụng tài khoản VNeID để truy cập các Công dịch vụ công.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân chưa cao; người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản còn hạn chế.

11. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số năm 2024

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

- Được sự hỗ trợ chuyên môn của Sở Thông tin và Truyền thông, sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy, UBND huyện, sự phối hợp nhịp nhàng của các ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng CNTT và đảm bảo an toàn thông tin mạng. Đến nay, hầu hết cán bộ, công chức, viên chức đã nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT vào các hoạt động chuyên môn cũng như hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện tích cực hỗ trợ, đồng hành cùng cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Hạ tầng số được triển khai đồng bộ, tỉ lệ internet cáp quang, di động được nâng cao phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

- Các hệ thống thông tin dùng chung trong CQNN hoạt động ổn định, liên tục, các sự cố phát sinh được hỗ trợ, khắc phục kịp thời.

2. Khó khăn:

- Cán bộ phụ trách CNTT, chuyển đổi số ở cấp huyện và cấp xã chủ yếu kiêm nhiệm chưa có kiến thức chuyên sâu và thường xuyên thay đổi vị trí công tác, dẫn đến việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số còn gặp những khó khăn nhất định. Mặt khác, chưa có chính sách hỗ trợ cán bộ phụ trách CNTT nên chưa tạo được sự khuyến khích, động viên để tăng cường nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin tại một số cơ quan, cũng như việc rà soát, cập nhật lỗ hổng bảo mật theo hướng dẫn của Đội ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh An Giang mất nhiều thời gian (phải thực hiện trên từng máy), trong khi số lượng cán bộ CNTT tại đơn vị ít nên việc tổ chức thực hiện gặp nhiều khó khăn.

- Chưa có cơ chế chi hỗ trợ ban biên tập ở cấp xã để vận hành Trang thông tin điện tử cấp xã.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG THỜI GIAN TỚI

- Ban hành: Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2025 và tổ chức triển khai thực hiện.

- Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2025.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp để tạo được sự đồng thuận, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ ứng dụng CNTT, kiến thức số, kỹ năng số cho CBCC-VC, người lao động, trong đó đặc biệt chú trọng bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ công việc để khai thác thông tin, dữ liệu phục vụ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024./.

Nơi nhận:

- Sở TTTT (b/c);
- Công an huyện;
- Các phòng chuyên môn;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ TÂN

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
1	Phát triển Chính quyền số						
1.1	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình	100%	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	100%	Đạt	
1.2	Thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	50%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	50%	Đạt	
1.3	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	40%	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	40%	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
1.4	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS); đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	70%	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	70%	Đạt	
1.5	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử	100%	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	100%	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
1.6	Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.	90%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	90%	Đạt	
1.7	Cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	90%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn		Chưa đạt	Hiện chỉ cung cấp các thông tin trên TTĐT
1.8	Người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân	70%	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	100%	Đạt	Cổng DVC quốc gia

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
1.9	Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	30%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn			Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá
1.10	Hồ sơ giải quyết trực tuyến	50%	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	99%	Đạt	DVC tỉnh
1.11	Dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	50%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn			Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
1.12	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	- Cấp huyện: 80%. - Cấp xã: 65%.	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	- Cấp huyện: 100%. - Cấp xã: 100%.	Đạt	
1.13	Cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử	90%	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	100%	Đạt	
1.14	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	Tối thiểu 80% trở lên	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	100%	Đạt	
1.15	Người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã	80%	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin			Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
	được cơ quan chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính (trước đó), mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ						
1.16	Hồ sơ được số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công	100%	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	100%	Đạt	
2	Phát triển Kinh tế số						
2.1	Phân đầu kinh tế số (phối hợp cơ quan cấp tỉnh)	Đạt từ 8 - 9% GRDP	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Phòng Văn hóa và Thông tin; Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn			Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
2.2	Phân đầu tỷ trọng kinh số trong từng ngành, lĩnh vực (phối hợp cơ quan cấp tỉnh)	9%	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Phòng Văn hóa và Thông tin; Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn			Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá
2.3	Sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt sàn thương mại điện tử	90%	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng; Phòng Văn hóa và Thông tin; Phòng Tài chính – Kế hoạch; Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	100%	Đạt	11/11 đạt sản phẩm OCOP Đạt chuẩn 3 sao

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
2.4	Dân số tham gia mua sắm trực tuyến	50%	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng; Phòng Văn hóa và Thông tin; Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn			Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá
2.5	Người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh (<i>phối hợp cơ quan cấp tỉnh</i>)	Trên 50%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI			Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá
2.6	Có ít nhất 04 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó có ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số phát triển sản phẩm, giải pháp, dịch vụ công nghệ thông tin (<i>phối hợp cơ quan cấp tỉnh</i>)	-	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn		Chưa đạt	Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
2.7	Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	Chi cục Thuế khu vực Chợ Mới- Phú Tân	Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn		Đạt	
2.8	Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	40%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn			Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá
2.9	Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	70%	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn			Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá
2.10	Năng suất lao động	Tăng 7%	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn			Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá
3	Phát triển Xã hội số						

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
3.1	Hộ gia đình có địa chỉ số	100%	UBND các xã, thị trấn	Bưu điện huyện; Phòng Văn hóa và Thông tin		Không đánh giá do có văn bản	
3.2	Người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số	80%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; Phòng Tài chính - Kế hoạch; UBND các xã, thị trấn			Chờ kết quả cấp tỉnh đánh giá
3.3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	85%	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI	Số liệu từ nhà mạng mobifone; viettel; vinaphone	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
3.4	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	80%	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông – Internet trên địa bàn huyện	Số liệu từ nhà mạng mobifone; viettel; vinaphone	Đạt	

./.